TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HS - ST
Ngày: 03/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hiến Công Hanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ma Đức Tuệ và bà Triệu Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:Ông Nguyễn Cao Thắng, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn kết nối với điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn. Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2023/TLST - HS ngày 05/7/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST- HS ngày 20/7/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nông Văn T (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 03/3/1988 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKTT và chỗ ở: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn A và con bà Phan Thị Đ; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo Nông Văn T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/3/2023 cho đến ngày 02/5/2023 và sau đó vi phạm Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bỏ trốn khỏi địa phương nên bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định truy nã và sau đó bị bắt và bị tạm giữ từ ngày 10/5/2023 đến ngày 12/5/2023; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 12/5/2023 đến nay; Hiện tại đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn, có mặt tại điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn.

* *Bị hại:* Nông Văn D, sinh năm 1977; trú tại thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, có mặt tại điểm cầu trung tâm.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Hoàng Doãn C, sinh

năm 1981; trú tại Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại điểm cầu trung tâm).

* *Người làm chứng:* Dương Bá Đ, sinh năm 1997; trú tại thôn K, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, có mặt tại điểm cầu trung tâm.

* *Người tham gia tố tụng khác có mặt tại điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn.*

- Ông Ma Đình Tr- cán bộ Đội THAHS & HTTP Công an huyện C
- Ông Hoàng Văn D1- cán bộ Đội THAHS & HTTP Công an huyện C
- Ông Nguyễn Trọng Ng- cán bộ Đội THAHS & HTTP Công an huyện C
- Ông La Đức D2- cán bộ Đội THAHS & HTTP Công an huyện C
- Ông Nguyễn Đức Th- cán bộ Đội THAHS & HTTP Công an huyện C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 ngày 26/02/2023 Nông Văn T, khi đang đi bộ tại khu vực đường thuộc thôn N, xã Ng, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để tìm xe đi nhờ về nhà thì T phát hiện bên đường có 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha biển kiểm soát 97F4 - 8861 còn cắm chìa khóa ở ổ khóa dựng ở vỉa hè đường nên T đã nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe trên để mang bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Sau khi quan sát xung quanh thấy không có người trông coi nên T đã đi đến bật chìa khóa điện nổ máy xe rồi điều khiển chiếc xe đi lên khu vực thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn chơi. Đến chiều ngày 27/02/2023 khi Tịnh đang điều khiển xe đến khu vực ngã tư Bưu điện huyện C thì T gặp bạn mình là anh Dương Bá Đ và do đang cần tiền tiêu nên T hỏi và nhờ anh Đ dẫn đi tìm nơi cầm cố hoặc mua xe để T cầm cố hoặc bán chiếc xe mô tô mà T trộm được. Sau đó T được anh Đ dẫn đến nhà anh Hoàng Doãn C khi lên đến nhà anh C thì Đ ở ngoài đường còn T trực tiếp vào nhà anh C thỏa thuận và cầm cố chiếc xe mô tô do T trộm được với số tiền 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng) và sau đó T đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá số 05/KL-HĐĐGTS ngày 28/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chợ Đồn kết luận: "01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha màu đỏ đen cũ đã qua sử dụng, biển kiểm soát 97F4-8861 có giá trị tại thời điểm ngày 26/02/2023 là 4.000.000đ (bốn triệu đồng)".

Ngoài ra tiến hành điều tra, xác minh lấy lời khai đối với bị hại là anh Nông Văn D (là chủ sở hữu chiếc xe mô tô mà T lấy trộm) và anh Hoàng Doãn C (là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô mà T lấy trộm được của anh D), nhưng khi nhận cầm cố anh C không biết đó là tài sản do T trộm cắp được mà có và ngày 28/02/2023, khi cơ quan Công an đến làm việc anh đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô mà T đã cầm cố với anh để phục vụ quá trình điều tra. Anh Dương Bá Đ là người được T nhờ và sau đó đưa T đến nhà anh C để T cầm cố chiếc xe mô tô

nhưng anh Đ không biết đó là xe do T trộm cắp được mà có, bản thân anh cũng không được hưởng lợi gì. Lời khai nhận của anh Nông Văn D, Hoàng Doãn C và Dương Bá Đ phù hợp với lời khai của Nông Văn T và các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được.

Tại cáo trạng số 37/CT - VKSCĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Nông Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sau phần xét hỏi tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã luận tội đối với bị cáo, phân tích, đánh giá tính chất nguy hiểm của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đồng thời giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 10/5/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

- Về bồi thường trách nhiệm dân sự:

Bị hại là anh Nông Văn D đã nhận lại chiếc xe mô tô do Nông Văn T trộm cắp được và không có yêu cầu, đề nghị bồi thường gì nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liện quan đến vụ án là anh Hoàng Doãn C là người được nhận cầm cố chiếc xe mà T lấy trộm được. Số tiền 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng) mà T cầm cố chiếc xe do T trộm cắp được mà có với anh Hoàng Doãn C sau đó T đã tiêu dùng cá nhân hết nên quá trình điều tra không tiến hành tạm giữ được. Tại phiên tòa anh C vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị yêu cầu bị cáo T phải trả lại cho anh số tiền 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng) mà anh đã nhận cầm cố chiếc xe T trộm được. Tại phiên tòa bị cáo T nhất trí bồi thường toàn bộ vì vậy buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ cho anh C số tiền 1.300.000đ.

- Về vật chứng: Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha biển kiểm soát 97F4-8861 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 0004134. Quá trình điều tra xác định các tài sản trên thuộc sở hữu của Nông Văn D. Ngày 09/3/2023, anh D có đơn xin lại số tài sản trên và xét thấy không cần thiết phải tiếp tục tạm giữ nên ngày 13/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tiến hành ra Quyết định xử lý tài sản và trả lại toàn bộ số tài sản trên cho anh D.

- Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa bị hại có ý kiến tranh luận về mức hình phạt tù mà Viện kiểm sát đề nghị với bị cáo là thấp không đảm bảo tính răn đe, đề nghị tăng hình phạt tù đối với bị cáo. Sau khi Viện kiểm sát nêu căn cứ pháp luật và đối đáp lại bị hại

nhất trí với mức hình phạt tù viện kiểm sát đã đề nghị và không có ý kiến đối đáp thêm.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và các vấn đề khác như bản cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình tranh tụng tại phiên toà xác định được như sau:

Khoảng 12 giờ 00 ngày 26/02/2023, tại khu vực thôn N, xã Ng, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, Nông Văn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha biển kiểm soát 97F4 - 8861 có giá trị 4.000.000đ (bốn triệu đồng) của anh Nông Văn D để nhằm mục đích mang bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Sau khi trộm cắp được chiếc xe mô tô thì ngày 27/02/2023, T đem đến cầm cố với anh Hoàng Doãn C được 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng) rồi tiêu sài cá nhân hết.

Hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) chiếc xe mô tô nêu trên của Nông Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số: 37/CT - VKSCĐ ngày 05/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn truy tố bị cáo Nông Văn T về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như mô tả trong Bản cáo trạng là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Trước khi phạm tội chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo bị cơ quan Cảnh sát điều tra áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/3/2023 cho đến ngày 02/5/2023 nhưng trong thời gian chấp hành bị cáo đã vi phạm lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bỏ trốn khỏi địa phương nên bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định truy nã và sau đó bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2023 cho đến nay. Như vậy, chứng tỏ ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo không có. Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo có bố đẻ là ông Nông Văn A được tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang nên đây

được coi là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân là quyền được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an địa phương, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, đồng thời cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định có như vậy mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nằm trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố nên được chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Qua các tài liệu, chứng cứ đã thu thập và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện, bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp, không có thu nhập, sống phụ thuộc gia đình do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Nông Văn D đã nhận lại chiếc xe mô tô do Nông Văn T trộm cắp được và không có yêu cầu, đề nghị bồi thường gì nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liện quan đến vụ án là anh Hoàng Doãn C là người được nhận cầm cố chiếc xe mà T lấy trộm được. Số tiền 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng) mà T cầm cố chiếc xe do T trộm cắp được mà có với anh Hoàng Doãn C sau đó Tịnh đã tiêu dùng cá nhân hết nên quá trình điều tra không tiến hành tạm giữ được. Tại phiên tòa anh C vắng mặt nhưng có đơn đề nghị yêu cầu bị cáo T phải trả lại cho anh số tiền 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng) mà anh đã nhận cầm cố chiếc xe T trộm được. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường cho anh C. Yêu cầu của anh C là hợp pháp nên buộc bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ cho anh C số tiền trên.

[6] Về vật chứng:

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha biển kiểm soát 97F4-8861 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 0004134. Quá trình điều tra xác định các tài sản trên thuộc sở hữu của Nông Văn D. Ngày 09/3/2023, anh D có đơn xin lại số tài sản trên và xét thấy không cần thiết phải tiếp tục tạm giữ nên ngày 13/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tiến hành ra Quyết định xử lý tài sản và trả lại toàn bộ số tài sản trên cho anh D theo quy định.

[7] Đối với anh Hoàng Doãn C là người được nhận cầm cố chiếc xe mà Nông Văn T lấy trộm được vào ngày 26/02/2023. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định anh C không biết đó là tài sản do T trộm cắp được mà có. Nên Cơ quan điều

tra không xem xét, xử lý.

[8] Đối với anh Dương Bá Đ là người được Nông Văn T hỏi và dẫn T đến nhà anh Hoàng Doãn C để sau đó T cầm cố chiếc xe mà T lấy trộm được. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định anh Đ không biết đó là tài sản do T trộm cắp được mà có và bản thân cũng không được hưởng lợi gì. Nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nông Văn T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 10/5/2023.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự.

Bị hại Nông Văn D không có yêu cầu bồi thường dân sự nên không xem xét giải quyết.

Buộc bị cáo Nông Văn T phải hoàn trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Doãn C số tiền 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng). Việc thi hành án dân sự đối với khoản tiền bị cáo phải trả lại cho anh C được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Người tham gia tt;
- Lưu HSVA, hồ sơ THAHS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hiến Công Hanh